

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Hữu Nghị

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/9/2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N (Vắng mặt)

Đang ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: 426/26 xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng Nh (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/6/2021 và các văn bản tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng Nh sau khi tìm hiểu và quen biết nhau, được sự thống nhất của hai bên gia đình, anh chị đã tổ chức đám cưới vào năm 2007 trên cơ

sở tự nguyện và đăng kết hôn với nhau vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Đến tháng 10/2020, chị về nhà cha mẹ ruột ở Bến Tre sinh sống. Anh, chị chính thức ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/6/2018. Từ khi ly thân đến nay cả hai con chung đều do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ, anh Nh trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thống nhất ly hôn với chị N. Về hai con chung, anh Nh thống nhất giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh Nh vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nh thấy rằng chị N và anh Nh đã tổ chức đám cưới vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị N và anh Nh đều thống nhất là thời gian đầu anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Xét thấy anh chị đã ly thân nhau từ tháng 10/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh Nh và chị N đều xác định không

còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn trầm trọng. Chị N xin được ly hôn anh Nh cũng thống nhất nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Xét thấy anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/6/2018. Từ khi ly thân đến nay hai cháu đều do chị N nuôi dưỡng. Cháu N có ý kiến nguyện vọng được ở với chị N, riêng cháu P còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Về phía anh Nh cũng thống nhất giao hai con cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy giao hai cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Nh không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung; Nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hoàng Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/6/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Nh không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007890 ngày 13/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án rong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)**

LÊ THỊ THỌ